

CÔNG TY TNHH STIEBEL ELTRON VIỆT NAM

STIEBEL ELTRON Vietnam Co., Ltd

PHÒNG DỊCH VỤ BẢO HÀNH

After Sale Service Department

CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH

SERVICE POLICY

(Điều chỉnh và áp dụng từ 01/01/2025)

(Revised and effective from 1st Jan, 2025)



MỤC LỤC

TABLE OF CONTENTS

I. QUY ĐỊNH BẢO HÀNH/WARRANTY REGULATIONS.....	1
1. Quy định chung/ <i>General regulations</i>	1
2. Quy định bảo hành đối với sản phẩm dự án và thương mại/ <i>Warranty regulations for project and commercial product</i>	3
3. Bảo hành sửa chữa/ <i>Repair warranty</i>	3
4. Bảo hành đổi trả/ <i>Swap product</i>	3
II. CUNG CẤP DỊCH VỤ SỬA CHỮA NGOÀI PHẠM VI BẢO HÀNH/ PROVIDING REPAIR SERVICES OUTSIDE THE WARRANTY SCOPE.....	4
III. LIÊN HỆ BẢO HÀNH SẢN PHẨM VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ/SERVICE REQUEST....	6

CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH SẢN PHẨM VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ PRODUCT WARRANTY AND SERVICE PROVISION POLICY

I. BẢO HÀNH SẢN PHẨM/ PRODUCT WARRANTY

1. QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS

- 1.1. Các sản phẩm được nhập khẩu và phân phối bởi Công ty TNHH STIEBEL ELTRON Việt Nam – viết tắt STE.

Products is imported and distributed by STIEBEL ELTRON Vietnam Co., Ltd. (hereby mentioned at STE).

- 1.2. Sản phẩm gặp trục trặc do lỗi của nhà sản xuất.

Defect on product caused by mistake of producer.

- 1.3. Tem dán tên kiểu máy, số máy trên sản phẩm còn nguyên vẹn, không có dấu hiệu cạo xóa, sửa đổi thông tin.

The serial number, model label on the product is scraped, edited, deleted, product information is not consistent with the tax invoice related to the product (if any).

- 1.4. Thông tin trên phiếu bảo hành hoặc thông tin đăng kí bảo hành điện tử bao gồm tem kiểu máy, số máy trùng khớp với tem dán kiểu máy, số máy trên sản phẩm.

Information on the warranty card or E- warranty registration information including the model label and model number must match the model label and model number on the product.

- 1.5. Thanh Magie (Anode) chống ăn mòn bình cho máy tắm nước nóng gián tiếp, và phụ kiện van khóa, vòi hoa sen, dây dẫn, các phụ kiện đính kèm khác (nếu có), và các lõi lọc cho máy lọc nước và quà khuyến mãi.vv.. không nằm trong chính sách bảo hành. (Chi tiết vui lòng xem bảng thời hạn bảo hành sản phẩm).

Non-warranty for Anode in Storage water heater product, and accessories such as shut-off valves, shower heads, wires, other attached accessories (if any), and filter cartridges for water filters and promotional gifts etc... are not covered by the warranty policy. (Please see list of warranty period regulation for product).

- 1.6. Sản phẩm phải còn trong thời hạn bảo hành. Căn cứ xác định sản phẩm còn trong thời hạn bảo hành được thể hiện trong bảng dưới đây:

The product must be within the warranty period. The basis for determining whether the product is within the warranty period is shown in the table below:

Trường hợp/ Cases	Chứng từ cung cấp/ Documents provided	Thời hạn bảo hành/ Warranty period
1	Không đăng kí bảo hành điện tử/ Does not register E- warranty	
1.1	• Phiếu bảo hành: Có <i>Warranty card: Yes</i> • Hóa đơn mua hàng: không có hoặc có nhưng không đúng theo quy định của của thông tư 39/2014/TT-BTC. <i>Purchase invoice of does not have or available but not follow with the provisions of Circular 39/2014/TT-BTC.</i>	• Tính từ ngày sản phẩm xuất kho STE. <i>Warranty period is counted from delivery date of STE.</i> • Và không vượt quá thời hạn bảo hành tính từ Ngày xuất kho của STE. (Chi tiết vui lòng xem bảng thời hạn bảo hành sản phẩm). <i>And does not exceeding the warranty period from delivery date of STE specified. (Please see list of warranty period regulation for product).</i>

1.2	• Phiếu bảo hành: Có hoặc không <i>Warranty card: Yes or No</i> • Hóa đơn mua hàng: Có <i>Purchase invoice: Yes</i>	• Tính từ ngày mua ghi trên hóa đơn. <i>Warranty period is counted from End-User Purchase date recorded on the Purchase invoice.</i> • Và không vượt quá thời hạn bảo hành tính từ Ngày xuất kho của STE. (Chi tiết vui lòng xem bảng thời hạn bảo hành sản phẩm). <i>And does not exceeding the warranty period from delivery date of STE specified. (Please see list of warranty period regulation for product).</i>
Lưu ý: Hóa đơn mua hàng được hiểu là hóa đơn theo quy định của Thông tư 9/2014/TT-BTC của bộ Tài Chính. Note: Purchase invoice is understood as invoice according to the provisions of Circular 9/2014/TT-BTC of the Ministry of Finance.		
2	Có đăng kí bảo hành điện tử/ Register E- warranty	
2.1	Thông tin đăng kí hợp lệ: <i>Valid registration information</i> • Thông tin khách hàng: đầy đủ, chính xác. <i>Customer information: Accurate and complete</i> • Thông tin sản phẩm: chính xác, hình ảnh hóa đơn, tem số máy rõ ràng và đầy đủ. <i>Product information: accurate, clear invoice image, serial number and complete.</i>	• Tính từ ngày mua ghi trên hóa đơn <i>Warranty period is counted from End-User Purchase date recorded on the Purchase invoice.</i> • Và không vượt quá thời hạn bảo hành tính từ Ngày xuất kho của STE. (Chi tiết vui lòng xem bảng thời hạn bảo hành sản phẩm). <i>And does not exceeding the warranty period from delivery date of STE specified. (Please see list of warranty period regulation for product).</i>
2.2	Thông tin đăng kí hợp lệ: <i>Valid registration information</i> • Thông tin khách hàng: đầy đủ, chính xác. <i>Customer information: Accurate and complete</i> • Thông tin sản phẩm: chính xác, hình ảnh, tem số máy đầy đủ và/hoặc hình ảnh hóa đơn không rõ ràng hoặc không có. <i>Product information: accurate, clear image, serial number and invoice image unclear or dose not.</i> • Không còn giữ giấy tờ (phiếu bảo hành, hóa đơn mua hàng). <i>Do not keeping documents (warranty card, purchase invoice).</i>	• Tính từ ngày kích hoạt trên hệ thống bảo hành điện tử. <i>Warranty period is counted from End-User register activated ew on the system.</i> • Và không vượt quá thời hạn bảo hành tính từ Ngày xuất kho của STE. (Chi tiết vui lòng xem bảng thời hạn bảo hành sản phẩm). <i>And does not exceeding the warranty period from delivery date of STE specified. (Please see list of warranty period regulation for product).</i>
2.3	Thông tin đăng kí không hợp lệ: <i>Invalid registration information</i> ○ Thông tin sản phẩm: sai thông tin sản phẩm và/hoặc hình ảnh hóa đơn, tem số máy không rõ ràng. <i>Product information: incorrect product information and/or invoice image, serial number unclear.</i> • Không còn giữ giấy tờ (phiếu bảo hành, hóa đơn mua hàng). <i>Do not keeping documents (warranty card, purchase invoice).</i>	• Tính từ ngày sản phẩm xuất kho STE <i>Warranty period is counted from delivery date of STE.</i> • Và không vượt quá thời hạn bảo hành tính từ Ngày xuất kho của STE. (Chi tiết vui lòng xem bảng thời hạn bảo hành sản phẩm). <i>And does not exceeding the warranty period from delivery date of STE specified. (Please see list of warranty period regulation for product).</i>

2.4	Thông tin đăng kí không hợp lệ: <i>Invalid registration information</i> - Thông tin sản phẩm: sai thông tin sản phẩm và/hoặc hình ảnh hóa đơn, tem số máy không rõ ràng. <i>Product information: incorrect product information and/or invoice image, serial number unclear.</i> Vẫn còn giữ giấy tờ (phiếu bảo hành, hóa đơn mua hàng). <i>Keeping documents (warranty card, purchase invoice).</i>	Áp dụng như trường hợp 2.1. <i>Apply as case 2.1.</i>
-----	--	---

2. QUY ĐỊNH BẢO HÀNH ĐỐI VỚI SẢN PHẨM DỰ ÁN VÀ THƯƠNG MẠI/ WARRANTY REGULATIONS FOR PROJECT AND COMMERCIAL PRODUCTS

Các sản phẩm sẽ được bảo hành theo điều khoản quy định trong hợp đồng giữa Stiebel Eltron và Đối Tác.

Commercial Product such as: Products for Project and Commercial, etc., will not be warranted according to this policy. These products warranty will be stipulated in the contract between Stiebel Eltron and Partners.

3. BẢO HÀNH SỬA CHỮA/ REPAIR WARRANTY

3.1 Điều kiện/ Conditions:

- Theo quy định chung tại mục 1.
According to general regulations in section 1.
- Sản phẩm không đáp ứng điều kiện đổi trả như được quy định tại điều 4.
Product does not meet the return conditions as specified in Article 4.

3.2 Hình thức áp dụng/ Application form:

- Áp dụng sửa chữa, thay mới đối với linh kiện.
Apply repair and replacement for components.

3.3 Chi phí/ Cost:

- Miễn phí/ Free of charge.

4. BẢO HÀNH ĐỔI TRẢ/ SWAP PRODUCT

4.1 Điều kiện/ Conditions:

- Theo quy định chung tại mục 1.
According to general regulations in section 1.
- Bắt buộc phải có hóa đơn theo quy định của Thông tư 9/2014/TT-BTC của bộ Tài Chính để đối chiếu thời gian mua hàng. Trường hợp không có hóa đơn, áp dụng bảo hành sửa chữa.
Invoice is required according to Circular 9/2014/TT-BTC of the Ministry of Finance to verify the time of purchase. In case there is no invoice, warranty repair applies.

4.2 Hình thức áp dụng/ Application form:

- Đối với sản phẩm máy tắm nước nóng trực tiếp, máy tắm nước nóng trực tiếp đa điểm và máy tắm nước nóng gián tiếp: trong vòng 30 (ba mươi) ngày tính từ ngày trên hóa đơn. Sau 30 ngày kể từ ngày trên hóa đơn, áp dụng chính sách bảo hành sửa chữa.
For Water heater products, multi-point products and Storage water heater products: within 30 (thirty) days from the date on the invoice. After 30 days from the date on the invoice, the repair warranty policy applies.
- Đối với sản phẩm khác: trong vòng 07 (bảy) ngày tính từ ngày trên hóa đơn. Sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày trên hóa đơn, áp dụng chính sách bảo hành sửa chữa.

For other products: within 07 (seven) days from the date on the invoice. After 07 (seven) days from the date on the invoice, the repair warranty policy applies.

- **Đổi sản phẩm cùng loại khi gặp sự cố do lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất.**
Exchange products of the same type when having problems due to technical errors of the manufacturer.
- **Sản phẩm lỗi chỉ được đổi sau khi đã có xác nhận bởi kỹ thuật viên của STIEBEL ELTRON Việt Nam và/hoặc Phòng Dịch Vụ Bảo Hành STIEBEL ELTRON Việt Nam.**
Defective products can only be exchanged after confirmation by STIEBEL ELTRON Vietnam technician and/ or STIEBEL ELTRON Vietnam Service Department.
- **Nếu sản phẩm cần đổi đã hết tồn kho, STIEBEL ELTRON sẽ đổi cho khách hàng sản phẩm với giá trị tương đương.**
If the product to be exchanged is out of stock, by STIEBEL ELTRON Vietnam will exchange it for a product of equivalent value.

4.3 Từ chối đổi trả sản phẩm/ Refusal to return or exchange products:

- **Sản phẩm được lắp đặt và sử dụng không đúng kỹ thuật, hướng dẫn, gây hư hỏng sản phẩm.**
The product is installed and used incorrectly according to the instruction manual, causing damage to the product.
- **Sản phẩm được bảo dưỡng không đúng kỹ thuật, dẫn đến hư hỏng.**
The product is not properly maintained, resulting in damage.
- **Sản phẩm hư hỏng do lý do thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, côn trùng ...**
Products damaged due to natural disasters, floods, fires, insects, etc
- **Sản phẩm bị hư hỏng về ngoại quan (móp méo, trầy xước, vỡ, biến dạng...), thiếu hoặc mất linh kiện, phụ kiện, do lỗi người sử dụng hoặc vận chuyển.**
Products are damaged in appearance (dented, scratched, broken, deformed, etc.), missing or missing components or accessories, due to user or by transportation defect.

4.4 Thời hạn bảo hành cho Sản phẩm đổi mới/Warranty period for Swap product

- **Tại thời điểm đổi mới, thời hạn bảo hành còn lại của sản phẩm cũ từ sáu (06) tháng trở lên thì thời hạn bảo hành của sản phẩm đổi mới sẽ được tính bằng thời hạn còn lại của sản phẩm cũ.**
At SWAP time, if remaining warranty period of the old product is from six (06) months upwards, the warranty period of this new product will be calculated equally to the remaining warranty period of old product.
- **Tại thời điểm đổi mới mà thời hạn bảo hành còn lại của sản phẩm cũ dưới sáu (06) tháng thì thời hạn bảo hành của sản phẩm đổi mới sẽ được tính là sáu (06) tháng.**
At SWAP time, if remaining warranty period of the old product is less than six (06) months, the warranty period of this new product will be six (06) months.
- **Sản phẩm được đổi mới áp dụng chính sách bảo hành bình thường theo quy định của nhà sản xuất, chính sách đổi mới không được áp dụng tiếp tục.**
The renewed product applies the normal warranty policy according to the manufacturer's regulations, the renewal policy is not applied continuously.

II. CUNG CẤP DỊCH VỤ SỬA CHỮA NGOÀI PHẠM VI BẢO HÀNH/ PROVIDING REPAIR SERVICES OUTSIDE THE WARRANTY SCOPE

Với tinh thần hỗ trợ khách hàng, Công ty STIEBEL ELTRON Việt Nam có cung cấp dịch vụ sửa chữa có phí cho các trường hợp được liệt kê như bên dưới. Tuy nhiên, STIEBEL ELTRON Việt Nam có quyền từ chối cung cấp dịch vụ sửa chữa tùy vào từng trường hợp cụ thể khi phát sinh các tình huống hoặc hư hại vượt qua khả năng hỗ trợ của công ty.

In the spirit of supporting customers, STIEBEL ELTRON Vietnam Co., Ltd provides paid repair services for the cases listed below. However, STIEBEL ELTRON has the right to refuse to provide repair services

depending on each specific case when situations arise or damage exceeds the company's support capabilities.

- Sản phẩm không do Công ty TNHH STIEBEL ELTRON Việt Nam nhập khẩu và phân phối.
Product is neither non imported and distributed by STIEBEL ELTRON Vietnam Co., Ltd.
- Sản phẩm đã hết hạn bảo hành và/ hoặc không có chứng từ hóa đơn liên quan đến sản phẩm.
Products have an expired warranty period and/or non invoice related to the product.
- Sản phẩm đã qua sử dụng, được quy định tại mục thời hạn bảo hành sản phẩm mới.
Used products are specified in the new product warranty period.
- Số máy, kiểu máy trên sản phẩm bị cạo sửa, xóa mất, thông tin sản phẩm không phù hợp với hóa đơn tài chính liên quan đến sản phẩm (nếu có).
The serial number, model on the product is scraped, edited, deleted, product information is not consistent with the tax invoice related to the product (if any).
- Sản phẩm hư hỏng do vận chuyển, sử dụng sai chức năng, lắp đặt không đúng theo sách hướng dẫn, nguồn điện không ổn định, sử dụng sai điện thế $220V \pm 10\%$ (nếu có), sử dụng nguồn nước không phù hợp với sản phẩm của STIEBEL ELTRON hoặc yếu/mạnh (theo thông số kỹ thuật về áp suất nước yêu cầu được chỉ định trong tài liệu hướng dẫn sử dụng), dơ, phèn... hoặc bảo quản không tốt như để nước, bụi, cặn bẩn, động vật, côn trùng, vật lạ... vào máy gây ra sự cố hư hỏng sản phẩm.
The products damaged due to transportation, improper use, improper installation according to instructions, unstable power supply, incorrect use of voltage $220V \pm 10\%$ (if any), use water that is not suitable for STIEBEL ELTRON products or of weak / strong water source (according to technical data required for water pressure defined only in the user manual), dirty or alum water, etc., or poorly maintained such as damaged by having water, dust, contamination, animals, insect and foreign objects, etc., get into the unit.
- Sản phẩm hư do bị rơi làm nứt, móp bể, rỉ sét, ổ bản do ăn mòn bởi hóa chất, chất tẩy rửa hay do chất lỏng đổ vào hoặc do tác động bên ngoài, tai nạn, thiên tai, lũ lụt
Products damaged due to drops cracks, broken, lightning strike, stains that are corroded by chemicals, chemicals cleaner or spilled substances or external impacts, accidents, natural disasters, floods.
- Sản phẩm hư hỏng do sử dụng trong nguồn nước cứng, nước biển hoặc nguồn nước có chất lạ (Điều kiện bắt buộc Clo (Cl_2) < 0.5mg/L, Clorua < 300 mg/L, Sắt và Mangan < 0,5 mg/L, Oxy < 2 mg/L, và tất cả các điều kiện về nước phải đáp ứng tiêu chuẩn của nước ở đô thị).
Products damage due used in hard water, sea water or water with foreign matter (Required water conditions Chlorine (Cl_2) < 0.5mg/L, Chloride < 300 mg/L, Iron and Manganese < 0.5 mg/L , Oxygen < 2 mg/L, and all water requirements must meet urban water standards).
- Bảo hành không bao gồm bất kỳ chi phí nào từ Legionnaire (khuyến nghị thời gian làm nóng nước lên đến $55^\circ C$ trong 4 giờ hoặc $60^\circ C$ trong 1,5 giờ để ngăn Legionnaire).
The warranty does not cover any cost from Legionnaire (it is recommended to heat up water to reach $55^\circ C$ for 4 hrs or $60^\circ C$ for 1.5 hrs to prevent Legionnaire).
- Hư hỏng do lắp đặt và sử dụng không đúng mục đích của sản phẩm.
Damage due to installation and improper use of product.
- Khách hàng sửa chữa, thay thế linh kiện, phụ kiện (bao gồm bộ lọc) không chính hãng của STIEBEL ELTRON.
Customers fix, replace non-genuine spare parts and accessories (including filters) of STIEBEL ELTRON.
- Khách hàng tự ý tháo gỡ, thay đổi cấu trúc sản phẩm hoặc sản phẩm đã được sửa chữa bởi các bên thứ ba không phải là Trung tâm bảo hành hoặc Trạm bảo hành ủy quyền của Công ty TNHH STIEBEL ELTRON Việt Nam.

The customer arbitrarily disassembles, changes the product structure or the product has been repaired by a party are not authorized Service Centers or Service Stations of STIEBEL ELTRON Vietnam Co., Ltd.

- Các trường hợp yêu cầu vệ sinh sản phẩm, bảo trì, thay thế lõi lọc của sản phẩm không nằm trong hạng mục bảo hành.

Cases requiring product cleaning and product maintenance, replace filter cartridges are not included in the warranty items.

- Khách hàng chi trả toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa ngoài bảo hành.
All expenses related to out-of-warranty repairing such as labor, used parts, transportation, auxiliary ones (if any) bear by Customer.
- Trong trường hợp sản phẩm hư hại ngoài khả năng cung cấp dịch vụ, STIEBEL ELTRON Việt Nam xin phép từ chối.

In case the product is damaged beyond the ability to provide service, STIEBEL ELTRON Vietnam reserves the right to refuse.

- Stiebel Eltron Việt Nam có quyền từ chối yêu cầu sửa chữa đối với các sản phẩm không do Stiebel Eltron Việt Nam phân phối tại thị trường Việt Nam vì lý do thiếu các linh kiện phù hợp hay các trở ngại khác về mặt kỹ thuật.

Any products, which is not distributed by Stiebel Eltron Viet Nam within the territory of Vietnam, can be rejected for any type of service due to lack of spare part or technical problem.

III. LIÊN HỆ BẢO HÀNH SẢN PHẨM VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ/SERVICE REQUEST

Liên hệ bảo hành sản phẩm và cung cấp dịch vụ/Service & Maintenance request

- **Cách 1:** Liên hệ tổng đài miễn phí: **1800 8888 22** giờ hành chính 8:00 ~ 17:00 từ thứ 2-thứ 7.
Option 1: Call hot line free 1800 8888 22 during office hours 8:00 ~ 17:00 (Monday ~ Saturday).
- **Cách 2:** Gửi email về phòng Dịch vụ Bảo Hành: service@stiebel-eltron.vn (vui lòng cung cấp rõ số điện thoại liên lạc).

Option 2 Send email to service@stiebel-eltron.vn (Please inform your phone number).

CÔNG TY TNHH STIEBEL ELTRON VIỆT NAM

STIEBEL ELTRON Vietnam Co., Ltd



KAI DOMINIQUE BRUSDEYLINS

THỜI HẠN BẢO HÀNH SẢN PHẨM

WARRANTY PERIOD REGULATION FOR PRODUCT

STT No	MÃ SẢN PHẨM SKU	SẢN PHẨM Products	KIỂU MÁY Model	Căn cứ theo chứng từ Based on documents		Linh Kiện và Phụ Kiện Component and accessories		
				Từ ngày xuất kho STE From date of delivery by STE	Từ ngày mua hoặc ngày kích hoạt From date of purchase on tax invoice or register E- Warranty	Bình chứa, bầu đun Water Tank	Linh kiện điện Electric component	Phụ Kiện Accessories
18	205243	Máy nước nóng đa điểm Multi point	DDH 6 EC	30 tháng 30 months	24 tháng 24 months	24 tháng 24 months	24 tháng 24 months	Không có Non accessories.
19	205244		DDH 8 EC					
20	205245		DHC 6 EC					
21	205246		DHC 8 EC					
22	205247		DDC 6 EC					
23	205248		DDC 8 EC					
24	205257	Máy lọc nước Water filter	FOUNTAIN 7S	30 tháng 30 months	24 tháng 24 months	24 tháng 24 months	12 tháng 12 months	Không bảo hành: Lỗi lọc, van khóa, ống dẫn nước, vòi cổ ngỗng, Pin và các phụ kiện đi kèm(nếu có) The filter cartridges, other enclosing parts such as battery ... are excluded from the warranty
25	205258		GLACIER					
26	207832		SNOW					
27	207829		SNOW PRO					
28	207838		CLOUD					
29	205256		STREAM 5S					
30	205259		MAXSTREAM					
31	205879		MAXSOFT M					
32	205260		STIEBEL HOUSE PS-2					
33	205261		STIEBEL HOUSE ACB-2					
34	232905	Máy bơm nhiệt Heat pump	WWK 302 H	30 tháng 30 months	24 tháng 24 months	24 tháng 24 months	24 tháng 24 months	12 tháng cho Van an toàn 12 months safety valve
35	205911	Máy sưởi phòng Room heater	CNS 200 Trend M-F	24 tháng 24 months	18 tháng 18 months	Không có Non	18 tháng 18 months	Không bảo hành: Chân kèm bánh xe Non warranty feet the bottom.
36	205912		CNS 200 Trend F					

THỜI HẠN BẢO HÀNH SẢN PHẨM

WARRANTY PERIOD REGULATION FOR PRODUCT

STT No	MÃ SẢN PHẨM SKU	SẢN PHẨM Products	KIỂU MÁY Model	Căn cứ theo chứng từ Based on documents		Linh Kiện và Phụ Kiện Component and accessories		
				Từ ngày xuất kho STE From date of delivery by STE	Từ ngày mua hoặc ngày kích hoạt From date of purchase on tax invoice or register E- Warranty	Bình chứa, bầu đun Water Tank	Linh kiện điện Electric component	Phụ Kiện Accessories
1	205237	Máy nước nóng trực tiếp Water heater	DE 35 EC	30 tháng 30 months	24 tháng 24 months	24 tháng 24 months	24 tháng 24 months	Không bảo hành: Van khóa nước, vòi hoa sen, thanh trượt, khay xả phòng, dây dẫn. Non-warranty for promotion gifts and shower accessories: shower head, shower hoses and others attachment parts (if any) for Water heater.
2	205238		DE 45 EC					
3	205239		WS 45 EC					
4	205240		XGL 45 EC					
5	205241		XGP 45 EC					
6	205242		XGLP 45 EC					
7	205249		DS 45 EC					
8	202460		DPL 45 EC					
9	233225		XG 45 EC					
10	205224	Máy nước nóng gián tiếp Storage water heater	ESH 15 H Plus T-VN	30 tháng 30 months	24 tháng 24 months	24 tháng nếu không đăng ký bảo dưỡng định kỳ 02 years warranty applies without e-warranty register. 7 năm nếu đăng ký bảo dưỡng định kỳ bởi dịch vụ STE trong thời gian sử dụng 07 years warranty applies which are registered e-warranty, register for periodic maintenance and replaces Anode on time of STIEBEL ELTRON VN during the period using.	24 tháng 24 months	Không bảo hành: Van an toàn, thanh Magie và ống xả nước Non-warranty for safety valve, anode, drain tube of Storage water heater
11	205219		ESH 25 H Plus T-VN					
12	205220		ESH 30 H Plus T-VN					
13	205221		ESH 50 H Plus T-VN					
14	205222		ESH 80 H Plus T-VN					
15	205223		ESH 100 H Plus T-VN					
16	207015		ESH 15 B TREND-VN					
17	207016		ESH 30 B TREND-VN					